

fot^a col. 1 - 6

𠂇	南	鍾	秀	買	奇
Giải	Nam	chung	tú	mãi	ki
罷	不	死	夬	位	女
Ban	bát	tử	lai	vị	nữ
神	扶	董	聖	傘	儻
Thần	Phù	dòng	thanh	tan	- tiễn.
打	殷	操	蜀	功	圓
Danh	An	dẹp	thục	công	viên
褚	童	子	傳	安	活
Chu	dòng	tử	truyền	yên	nude
藍	山	真	顛	冊	茄
Lâm	sơn	chân	hiên	sách	nhà.
阮	明	空	准	些	- 4
Nguyễn	minh	không	chẩn	ta	
神	通	智	准	唎	
Thần	thông	chi	phat	ra	
尼	六	涪	活	mách	
Vaj	lục	ngulái	nude	ngá	
風	流	玉	宮	𠂇	
Phong	liu	ngoc	cung	ngi	
創	燭	燭	二	仙	
Sáng	sai	sai	nhi	tiên	
			花	天	
			達	庭	
			伶		
			伶		

folia col. 6-8 folio col. 1-8

12 -	岱	禍	福	權	行	汎	方
	Thay	guái	huò	phúc	quyền	hành	một
	其	其	顯	跡	燭	煥	方
	Hià	Kìa	hiển	tích	rô	rǎng	phương.
	睂	昧	鬼	魄	常	𠵼	仙
	Chó	mát	guǐ	coi	thường	người	Tiên.
	仙	鄉	社	意	縣	天	
	Tiên	- huâng	- xã	ý	huyện	Thiên	,
16 -	術	山	南	鎮	汚	崗	嵬
	Viết	Šan	- nam	- trấn	miễn	nui	Gāi.
	氣	競	鈜	競	余	茂	
	Khí	thíêng	gáp	cạnh	mây	dài	,
	譜	範	高	祖	夬	陳	家
	Pháp	ghi	Cao	-	lại	triân	- gia.
	胡	明	返	本	𠂇	𠂇	
	Hồ	Minh	găp	vốn	lành	ra	,
20 -	樹	蹠	黎	姓	乱	另	墨
	Dâu	theo	Lê	tinh	laon	lanh	ra,
	初	箕	安	圭	茄	母	鄉
	Xia	kia	An	guê	nha	mẫu	luâng.
	狹	吉	宅	泰	貉	廊	
	Hẹp	ngái	trach	thái	tèn	lang	,
				穰	塘	善	鄰
				rông	tuong	thiện	lân.

fō^b - col. H - 8 fō^a - col. 1

朱	能	仁	木	固	仁	鄙
家	蓄	積	閔	份	仁	鄙
	suc	tích	muôn	phân	nhiên	sang
每	天	余	度	飢	荒	施
Mai	Thiên	mái	dộ	cô	hoang	thi
堦	災	袞	沒	場	恩	ân
nǎi	tai	tiê	mặt	trường		
巴	姥	羣	聖	招	施	恩
Ba	gá	đài	thánh	cháu	thi	ân
羅	豪	准	祖	神	神	神
La	hào	chón	tô	thần	thân	thân
	持	句	賜	墳	移	遷
	Nghi	câu	tí	phân	di	sang
太	翁	當	暎	坤	量	- 28
Thái	ông	diêng	lúe	khôn	liang	
畢	逝	歲	眡	坤	別	
Bìn	miết	tuổi	mô	khôn	biết	
陰	功	積	買	眊	量	
Âm	công	tích	mái	mât	biết	
	英	宋	單	sai	別	
	anh	(宗)	lòn	sa	biết	
			ula	hậu	黎	

fols. col. 1-6

太	婆	陳	氏	礮	皮	依	胎
Thái - là		Tiễn	thị	nǎng	bê	hoài	thái .
施	芒	色	過	期	鞚	來	
Đa	mang	da	guá	Ký	ngāi	rái ,	
1 Phút	兜	沒	病	躊	鞚	空	安 - 36 .
	dâu	một	bệnh ,	ding	ngāi	không	yān .
	哩	時	疫	仍	味	禪	
Nhìeng		tlái	bén	nhieng	mui	thuyên	,
珍	甘	拯	拙	登	蓮	餳	常
Ziân	cam	chảng	clát	dâng	lên	luéa	thường .
	性	時	惄	仍	花	香	
Tinh		thái	ca	nhieng	hoa	luâng	,
培	塵	拯	拙	中	場	繁	芸 - 40
Bui	trân	chảng	clát	trong	trường	phôn	hoa .
	礮	泥	吟	吏	最	戈	
Nâng		nê	nay	lai	mai	qua	,
中	外	想	仍	魔	邪	概	捺
Trong	ngoai	tưởng	nhieng	ma	ta	quây	trêu .
	符	驅	怪	墮	除	妖	
Phu		thue	quái , tranh	tranh	trüe	yêu ,	
辯	份	病	勞	拯	瘳	沒	份 - 44
Muái	phân	bệnh	thé ,	chảng	huynh	một	phân .

f^o 5^a. col. 7-8 f^o 5^b. col. 1-4

朝	外	俸	固	道	人
Cầu	ngài	lóng	có	đạo	- nhän,
袂	巾	葛	中	璘	𠂇
Quý	khăn	cát	trong	sân	vào.
太	家	人	謝	山	畔
Tchái -	Gia	nhiän	tá	sân	sao,
翁	眞	辭	mài	嘲	邊
Ông	nghe	tiếng	mài	trào	trong - 48
高	拯	皆	毗	伏	龍
Cao	tay	tiêng	hô	phuoc	long,
天	密	降	虎	chung	猪
Thiên	mật	giáng	hô	sông	trua
通	招	祝	香	耀	殘
Thông	giao	lúc	luâng	trùoc	tân.
太	馴	飾	玉	漫	塙
Tchái -	tay	luúia	ngoc	man	dân,
翁	密)	玉	迷	中
Ông	phút	plút	ngoc	mê	trong
覓	台	色	da	漫	茄
Thây	hai	力	da	俊	nha.
城	鑽	玉	si	俊	- 52
Thanh	vàng	玉	mê	toà	茄
鑄	楼	士	si	座	cao.
Chin	lâu	沒	si	toà	.
尬	吝	買	mot	跳	高
Chin	lân	霸	mot	buoc	cao.

fo 5^b. col. 4 - 8 fo 6^a. col. 1

56 -	左	躋	直	埃	別	埃
	zǎo	dǐng	zhí	āi	bié	āi .
	廡	蓮	壽	席	春	開
	yu	lán	shòu	xíe	xūn	kāi ,
	群	儂	會	邊	獄	玉
	quán	tiān	huì	biān	yù	ngọc .
	紅	俸	祝	寃	沒	娘
	hóng	bìng	zhù	yuān	mò	nàng ,
60 -	都	登	玉	倍	傍	俊
	dōu	dēng	yu	bèi	bàng	jiù
	左	轍	衣	蹠	蹠	蹠
	zǎo	zhé	yī	zhá	zhá	zhá ,
	羣	貼	戰	玉	低	𠵼
	quán	xiē	zhàn	yu	dī	tāi .
	翔	卷	轍	倍	蹠	蹠
	xiáng	juǎn	zhé	bèi	zhá	zhá ,
	曰	未	班	位	位	位
	yuē	wèi	ban	wèi	wèi	wèi ,
	侍	兜	班	曰	曳	余
64 -	侍	兜	班	曳	曳	mái
	shì	dōu	ban	yuē	yuē	mái
	兒	覓	班	曳	曳	中
	nǚ	mì	ban	yuē	yuē	zhōng ,
	太	翁	翁	引	紅	衣
	thái	wēng	wēng	yǐn	hóng	yī
	認	詳	救	彷	外	賒
	rèn	xiáng	jiù	páng	ài	shí ,
				降	窮	空
				xiáng	qióng	kōng
						差
						chā .

f6^a - col. 2 - 9

	引	轂	固	沒	金	牌	
Dân	dī	覓	có	một	Kim	bài	,
68 - 南	南	夬	固	意	台	猝	題
Nam	nam	lai	có	ý	hai	chui	dê
	太	翁	意	每	躋	恥	,
Chái	-	āng	每	mai	tíng	nghe	
	晦	台	士	訴	皮	丁	寧
Héi	hai	力	sī	to	bē	tinh	ninh
	耀	麌	買	事	事	情	
Tuý	sau	saú	mǎi	sự	sự	tinh	,
72 - 仙	宮	第	二	天	庭	謫	墨
Ciên	cung	dè	nhi	thiên	-	trich	ra
	韜	中	秩	固	皆	嚙	,
Cila	trong	dè	chát	có	tiếng	la	
	臤	嘈	雜	喧	嗟	准	尼
Ngùi	tâu	tào	tập	huyên	hoa	chón	nay
	太	翁	皮	醒	戚	醜	
Chái	-	āng	vía	tinh	giác	say	,
76 - 墉	萱	皮	旦	嚴	鼎	萎	花
Chém	huyên	vía	dén	sán	ngày	nô	hoa
	美	苗	月	歛	姮	娥	,
Mỹ	miêu	nguyệt	- dien	hàng	- nga		

fo 6^a. col. 9-8 fo 6^b. col. 1-4

外 軒 霽 創 中 茄 賞 翻
vgoái lién lóng sâng, trang nhà thám bay.

家 人 懵 踏 騕 脣 台 方 市
Gia nhân mèng tâp hạc mánh thay phuông náo.

道 人 𠙴 色 鶴 蘭 占 包
Đạo - nhân phút tâp hạc làn ian - chien - tao bao.

太 翁 想 事 占 曹 買 汗
Thái - ông - tuâng - sự - ian - Cao - mài - sa.

別 浪 獄 准 仙 達 茄 茄
Bié - xâng - ngulái - chán - tiên - lát - nhâa - nhâa.

84 - 辭 頭 天 佑 脖 跋 鼎 宾
Vâm - đầu - Thiên - hưu, thang - ba - nguy - dän.

朱 能 夢 姑 麻 神 真 賦
Chô - hay - mông - dü - ma - thien - chän.

懸 獄 誠 正 鬼 神 兇 賦
Lóng - ngulái - thành - chính, quí - thien - chän - xä.

88 - 眞 身 迷 心 固 諸 醒 罢 催
Chän - thân - mê - tâm - có - chua - tinh - lä - mõng - thoi.

foc^b. col. 5 - 8 fog^a. col. 1-2

慧	根	嚴	色	木	來	
tue	cau	som	da	moc	chau	,
酉	中	俗	麻	臥	仙	宮
Dau	trong	tuc	ma	nghiep	tiem	- cung.
扌	扌	攖	餃	茄	中	
Sang	Nang	nui	noui	nhac	trong	,
兒	戈	鷄	吏	錙	反	笄
Tho	qua	ac	lai	vong	eap	92
𦩇	𦩇	雪	勤	遠	要	,
Da	tuyet	xu	dong	may	olie	
巛	賈	春	淡	溪	秋	澗
Van	xa	xuan	diam	she	tha	giän.
江	江	山	灵	燭	迦	
Giang	Giang	son	linh	tuc	sang	,
金	身	沒	樣	顏	恪	常
Kim	than	mot	dang	nhan	khao	96
鼎	鼎	𦩇	懨	清	閑	,
Ngay	Ngay	dem	ui	thank	nhian	
閂	鋪	胞	劄	行	昧	戈
Muan	pho	da	chep	hang	matt	qua.
筆	研	号	収	切	磋	
Buit	nghienn	khuya	som	thiet	tha	,

109^a. col. 2 - 9

100 -	詩	詞	音	律	夬	罷	才	贊
	Thi	Tí	âm	luật	lai	lai	tai	riêng
	春	光	好	色	夬	沒	篇	
	Xuân	guang	hảo	đẹp	lai	một	thiên	,
	夏	时	夬	浦	蓮	蓮	固	排
	Hè	thời	lai	phố	liên	liên	có	bày
	步	蝉	隔	浦	劍	劍	埃	
	Bộ	thuyền	cách	phố	kém	kém	ai	,
104 -	冬	时	夬	思	剪	梅	餒	韻
	Đông	thời	lai	tiết	tiến	mai	núi	vận
	才	情	调	唶	越	賈	斯	
	tài	tình	diệu	tiếng	dày	xa	gân	,
	絳	仙	隋	鞞	嫩	分	拯	讓
	giáng - tiên	xiān	tùy	trúi	nàn	phân	chǎng	nhiều
	太	翁	歛	嫩	嬰	天	當	
	thái	ông	hé	trúi	tai	yêu	tương	,
108 -	園	花	買	撕	靜	堂	邊	麌
	Viên	hoa	mua	sua	tinh	tuong	bên	sau
	汎	命	贊	沒	壯	樓		
	Wát	mình	riêng	một	tráng	lầu		
	花	春	累	賈	臘	姓		
	hoa	xuân	bón	mài	giáng	thu	nà	rem

fot^a col. 8 fot^b col. 1-5

琴	書	鼎	纓	祕	脂	
Câm	thu	ngày	nái	lý	dêm	,
鼎	又	嘴	讀	吝	添	嘴
Sang	sang	tiếng	đọc	lân	thêm	tiếng
樓	樓	鑽	稽	祕	臥	鑽
Lầu	Lâu	wāng	kíua	lý	nguài	wāng
元	童	暮	楚	埃及	昂	價
Nguyễn	long	trăm	chú	ài	ngang	giá
雲	雲	亭	甲	二	棋	低
Vân	-	dinh	giáp	nhi	ké	dây
茄	官	固	沒	碎	跔	裝
Nhá	guan	có	một	tai	ngay	tái
便	便	坭	產	貫	母	親
Tuién	Tuién	nói	sản	quán	mẫu	thân
色	洞	滩	韻	夬	鄰	佑
Đá	dòng	đai	cù	lai	lân	hiu
悶	悶	芒	戢	夢	猪	形
Muộn	Muộn	mán	giết	mộng	chula	hình
景	愁	晦	月	步	行	哚
Cảnh	sầu	hái	nguyệt	bô	hành	thâm
界	界	桃	膾	嗜	呕	花
Dulá	Dulá	tao	nghe	tiếng	oa	hoa

fol. b. col. 5 - 8 fol. 8^a. col. 1 - 2

動	懸	收	祕	術	茹	此	餕
Động	lóng	thu	lý	vẽ	nha	thứ	nuôi
桃	桃	郎	因	達	貉	未	,
Đào	- lang	-	nhân	dát	tên	rồi	,
丰	姿	精	秀	拱	臘	委	生
Phong	túi	tinh	tú	cung	nguội	giái	sinh
巣	市	能	浪	義	mính	minh	,
Não	nào	hay	ràng	nghĩa	- linh	-	
強	中	繩	擣	強	情	親	夭
Cáng	trung	guần	quit	càng	tình	thân	yêu
共	共	廊	趨	夬	色	夥	,
Cùng	cùng	lang	ti	lai	dâ	nhiều	,
沒	它	皮	沒	堆	調	卒	堆
Mất	da	da	mặt	dâi	đêu	tot	dâi
問	問	名	納	采	贊	催	,
Van	ván	danh	nạp	thái	đủ	thái	,
粧	奩	拉	撕	朱	臘	宜	家
Cuang	ân	sám	sâa	cho	nguội	nghi	gia
闕	闕	睢	湊	嘴	詩	敬	,
Guan	- thu	-	nâi	tiếng	thi	ca	
外	榦	姑	白	中	和	良	人
ngoai	thô	cô	(舅)	trang	hoa	liêng	nhân

f8^a - col. 3-8

埃	能	隔	別	仙	塵	之
Ai	hay	cách	biệt	tiên	đáin	.
妯	猩	役	藻	頰	恪	隨
Dâu	con	việc	tảo	tán	khác	tuy,
自	自	慄	狩	唱	惢	惢
Tui	zì	tuoi	chui	xàng	xióng	.
鱗	魚	生	買	詩	恠	愍
Lân	ngư	sinh	mai	thi	biếng	136.
皮	皮	欺	更	夭	膾	膾
Viña	phi	khi	cangh	giòi	dém	,
台	迹	眷	位	達	燔	燔
Hai	muoi	tám	ui	trên	sai	.
勸	軼	軼	託	詩	𩫑	𩫑
Khuyen	chiêng	chiêng	thác	tho	chái	,
帝	句	奎	璧	啞	斗	星
Nao	câu	klue	lich	nói	dau	-140.
柳	文	箕	傳	丁	ninh	.
Lieu	vân	ki	truyen	dinh	ninh	,
主	張	吁	心	清	女	房
Chu	triêng	xin	tâm	thanh	nü	phòng.
貼	詩	沛	色	別	懸	.
Xem	tho	phai	da	liết	lang	,
		, sinh				

f^a 8 - col. 8 f^b 8 - col. 1 - 5

144 -	倒	韻	和	夬	余	洞	誠	章
	Đảo	vân	hoa	lai	máy	dòng	nên	chuồng.
	中	詩	意	意	思	誇	說	
	trung	tho	y	井	tí	kho	Khoang,	角
	呑	斗	掘	掘	星	光	g	才
	Chân	dấu	, guát	, tinh	tinh	guang	, dác	tai.
	改	噃	噃	緘	女	沒	台	
	gui	nhài	nhài	hile	nū	mặt	hai	,
148 -	漢	張	唐	柳	輸	埃	達	蔑
	Hán	trulang	Dương	liêu	thua	ai	tiên	dāo.
	覓	詩	夬	沛	歇	噃	噃	
	thay	tho	lai	phai	nhai	nhài	, nhai	,
	沒	句	沒	爭	撻	少	少	嘆
	mặt	câu	mặt	tranh	bai	lām	lām	gi.
	鼎	擗	擗	藩	補	拔	拔	
	vay	sanh	sanh	chô	lo	di	di	,
152 -	卉	秋	事	業	沒	時	工	夫
	Ngan	thu	sự	nghiep	mặt	thoi	công	phu.
	余	句	句	捻	玉	遼	珠	
	máy	câu	câu	ném	ngọc	dua	chau	,
	生	浪	狂	放	閑	數	懶	懶
	Sinh	rāng	cuồng	phóng	bây	lâu	dai	nhiều.

fol. 8^b. col. 6 - 8 fol. 9^a. col. 1 - 3

悲	懸	眎	勸	𠂇	旦	條	鵠
Bãy	Lõng	giô	sluyễn	nhiu	dén	diêu	- 156
鑽	中	色	燧	嚴	朝	監	guên
wãng	Trong	lå	dai	sâm	chiêu	dám	.
中	欺	翹	抗	梗	梗	連	
Trong	khi	cånh	cháp	caanh	caanh	lien	
距	生	破	煺	願	願	縣	漢
Ba	sinh	lá	siết	nguyễn	nguyễn	ddái	Khe
情	情	梧	掣	塉	塉	哝	
Tinh	Tinh	dông	phuong	nái	nái	é	
卒	坭	楠	鳳	惄	皮	竹	寫
Cát	nái	nám	phuong	ui	bê	truc	loan
距	距	楠	禛	榦	倍	傍	- 160
Ba	Ba	nám	chän	gái	vai	vang	.
皮	旬	春	跨	花	殘	祿	
Via	tuân	xuân	cuarti	hoa	tan	lòc	
競	競	邊	炉	焰	台	臥	
Caanh	Caanh	bén	lô	lå	hai	nguái	
情	潭	又	癱	淚	沫	又	泄
Tinh	dám	dám	âm	lé	rido	rido	- 164
生	生	皮	失	色	晦	蹠	.
Pinh	Pinh	uia	thát	sác	hái	ngay	

fog^a. col. 3 - 8

驰	馳	買	計	事	鼎	帝	鄉
Vô	vô	mua	kế	sự	ngày	dế	lương
168-	席	初	上	界	沒	娘	𠵼
	Tiệc	chiết	thượng	giới	một	sàng	tay
	蘇	戰	王	汝	蒙	俊	跔
	to	chien	ngoc	nho	nhang	sang	ngay
	妻	春	按	律	定	瑄	塵
	Chiếp	xuân	an	luat	dinh	tran	gian
	台	天	姬	畜	倍	𡇠	間
	Hai	thien	do	xuong	dai	chang	
172-	限	辭	結	姜	共	夬	蓬
	Han	nam	ket	ngai	cung	lai	len
	悲	絲	旦	天	堂	緣	
	Bi	tao	dien	thien	tuong	duyen	
	期	色	宿	世	因	定	
	Ky	da	tuc	the	nhan	dinh	
	拱	男	合	於	達	催	
	Cung	la	ly	u	trien	thoi	
	歡	離	催	拱	竹	益	
	hoan	ly	thoi	cung	tau	ich	
176-	淚	催	豬	嘆	喂	嘆	
	Le	thai	thua	than	oi	gi	
	紅	紅	瀾				
	hong	hong	han				

fog^b. col. 1-6

未	最	遷	拮	渭	移	
Giải	liêu	migrate	kieo	mùa	di	
豕	时	病	魄	时	兜	賒
Vật	thi	disease	pò	thời	dòu	xa.
钟	空	丁	刃	膀	距	
Duông	không	đinh	rìu	tháng	ba	
曇	辭	意	節	界	清	明 - 180
Mông	năm	ngày	tiết	là	thanh	- minh.
買	旦	辯	沒	歲	撐	
Mai	hai	bián	một	tuổi	xanh	
距	辭	緣	𠙴	情	波	淒
Ba	năm	duyên	ngắn	tình	bé	sâu.
棧	多	准	意	墓	邱	
Cây	da	chón	đý	mộ	khau	
分	明	英	土	流	金	形 - 184
Phân	minh	tôn	thổ	liu	Kim	hinh.
堆	堆	邊	埃及	悴	情	
Dôi	bèn	ai	chǎng	sát	tinh	
担	纏	尼	餕	桃	強	[恤]
Đát	giây	này	nǎi	đào	càng	dáu.
別	別	包	遜	惨	渭	
Biết	bao	bao	gió	thảm	mùa	

fol. 6-8 fol. 10^a-18

188 -	市	排	別	鶴	市	勾	哀	鴻
	nǎo	bāi	bié	hè	nǎo	cāu	ai	hōng
								.
	計	牢	掣	餸	情	中	鍾	[塵]
	hé	sáo	xiè	nāi	tíng	zhōng	zhōng	chén
	追	尼	事	仙	吝	吝	吝	.
	zhuī	nǐ	sì	xiān	lìn	lìn	lìn	.
	逐	梭	遙	臍	吝	旬	重	三
	lùng	suō	diào	ngáy	lìn	xiū	zhòng	san
192 -	大	祥	夬	返	旦	珍	甘	.
	dài	xiáng	kuài	fǎn	dàn	zhēn	gān	.
	太	泰	夬	返	課	珍	甘	.
	thái	tuì	kuài	fǎn	kè	zhēn	gān	.
	花	樓	細	准	書	庵	每	鼎
	huā	lóu	tài	zhǔn	shù	ān	měi	ngǐng
								.
	彌	膾	朝	法	派	簾	彌	.
	ní	guó	cháo	fǎ	pài	lián	mí	.
	韋	脣	朝	法	派	簾	彌	.
	wéi	guó	cháo	fǎ	pài	lián	mí	.
196 -	韜	毳	毳	熾	燔	跔	壘	茹
	tuō	cuì	cuì	sé	fán	yuè	ruì	rú
								.
	縫	毳	毳	絲	蠶	扛	戈	.
	féng	cuì	cuì	sī	dēn	káng	gē	.
								.
	泛	彈	管	筆	蠶	沙	培	淋
	phì	dàn	guǎn	bì	mò	shā	péi	lín

fo 10^a col. H-8 fo 10^b col. 1

忮	忮	胞	仍	陰	惄
<i>Mí</i>	<i>nghisi</i>	<i>dá</i>	<i>nhưng</i>	<i>ān</i>	<i>thām</i>
閑	睠	景	坤	矜	渙
<i>Báy</i>	<i>giă</i>	<i>cảnh</i>	<i>Khôn</i>	<i>cām</i>	<i>giăt</i>
逾	茹	凌	漸	捨	薦
<i>Gió</i>	<i>Na</i>	<i>lēn</i>	<i>lác</i>	<i>cây</i>	<i>kiêng</i>
𡇔	賛	兜	競	邊	沒
<i>Ma</i>	<i>thâm</i>	<i>dāu</i>	<i>cạnh</i>	<i>bên</i>	<i>một</i>
𠂊	𠂊	𢃥	祉	尽	坭
<i>Hai</i>	<i>di</i>	<i>tay</i>	<i>lăy</i>	<i>tân</i>	<i>ndé</i>
𡇔	𡇔	猖	方	垂	渴
<i>Ma</i>	<i>di</i>	<i>can</i>	<i>phuông</i>	<i>giōi</i>	<i>khát</i>
太	𡇔	婆	憇	掣	敲
<i>Thái</i>	<i>lă</i>	<i>lă</i>	<i>rô</i>	<i>siết</i>	<i>khoa</i>
晦	浪	𤧒	准	市	夬
<i>Hái</i>	<i>răng</i>	<i>con</i>	<i>chion</i>	<i>nào</i>	<i>lai</i>
想	想	浪	於	自	暎
<i>Cılóng</i>	<i>Cılóng</i>	<i>răng</i>	<i>o</i>	<i>tí</i>	<i>ngày</i>
能	畀	𤧒	死	別	長
<i>Hay</i>	<i>lă</i>	<i>con</i>	<i>ti</i>	<i>liết</i>	<i>trường</i>
恆	恆	𤧒	剗	剗	生
<i>Nghe</i>	<i>nhăi</i>	<i>nhăi</i>	<i>vău</i>	<i>nhău</i>	<i>sinh</i>
恆	恆	𠂊	諸	反	情
<i>Nghe</i>	<i>nhăi</i>	<i>nhăi</i>	<i>chula</i>	<i>Kip</i>	<i>tinh</i>

fol. 10^b. col. 1-6

台	行	送	坤	孕
Hai	hang	nude	mát	chay
信	姪	色	蠡	媵
Tin	hang	da	xuâng	deidi
堆	边	親	倍	惄
Dai	ben	thân	vai	mung
覽	覓	台	父	彊
Räng	chay	hai	phu	cang
浪	狶	失	孝	數
Räng	con	that	hiếu	lau
最	号	孝	閉	空
Sâm	khuya	mong	bây	khong
畢	特	蒙	准	庭
Bán	duoc	thoâa	chan	dinh
親	帝	妥	沒	買
thân	nao	thoâa	mât	mói
親	能	不	測	玄
thân	hay	bât	chac	huyen
坤	埃及	易	机	化
Khân	ngoan	dê	cô	hoa - nhi
頑	吁	喜	爭	兒
ngoan	ha	ly	tranh	er
唉	叶	舍	權	悲
ha	xin	sâ	guyen	by
懸	底	夷	慈	朱
long	dê	lai	tü	cho
懸	底	夷	羣	竹
Cám	lê	con	di	danh

fol 10 b - col. 9 - 8 fol 11 a - col. 1 - 4

覽	英	瞷	損	丁	寧	低
Tiláy	anh	dán	vái	tinh	ninh	dày
晨	昏	吁	施	𠙴	姦	病
Chân	hūn	xin	dō	tâm	thanh	ngãy
桃	生	籌	始	𠂇	臥	沒
Đào	- sinh	dó	dō	bây	nguà	một
拙	贊	諸	及	待	排	台
Chút	ruêng	chùa	kíp	dai	bây	hai
祐	祐	寃	𦵹	覲	愈	影
Xum	nghĩ	nhác	nhác	thây	géo	bay
倍	傍	生	買	捨	𢈌	拮
Vội	wàng	sinh	mài	câm	tay	keo
吳	(哭)	浪	緣	產	𠂇	拌
Khóc	râng	râng	duyên	sân	ta	trao
糴	油	蕩	分	脣	牢	惄
Grúc	dù	bac	phân	nay	sao	nô
啻	啻	油	渭	犯	逮	彼
Vi	otü	otü	mula	rê	may	hiëa
邊	委	吁	拱	蹠	術	沒
Bên	giải	xin	cung	theo	sê	một
切	切	情	臾	沛	歇	墜
Ehiết	lai	tinh	lai	phai	hiết	nhài

- 224

- 228

f^o 11^a - col. 4 - 8 f^o 11^b - col. 1

232 -	浪 Rāng	緣 duyên	刼 kiel	世 thế	固 cõ	委 giài	坦 dát	中 trung.	
	妾 Chiếp	自 tū	阻 trõ	夬	夬 lai	天 thiên	宮 cung,		
	拙 chikt	禡 rieng	恩 ān	愛 ái	旣 ngan	重 trung	燎 sét	燭 sai.	
	仙 Cuien - tao	曹	𠂇 dā	旣 gài	奏 tâu	奏	未 tài	,	
236 -	堦 Cai	塵 trān	夬	特 dilec	邊 lèn	外 ngoái	從 thung	容 dung.	
	隊 Đai	恩 dn	眾	窮 chit	窮	勅 sác	封 phong	,	
	号 Hieu	尼 nay	榔 Liêu - hanh	杏	蹠 theo	公 công	主 chua	行 hang.	
	妾 Chiếp	初 sua	上 thuong -	界 giải		仙 tiên	娘 naing,		
240 -	払 Chāng	吟 nay	帝 lê	所 ss	星 tinh	郎 lang	窟 suông	塵 trān.	
	縗 Eis	緣 duyên	緣	車 xe	色 da	沒 mót	吝 län,		
	麻 Ma	中 trung	波 bē	愛 ái	閑 muân	份 phän	強 caing	婆 sau.	

f. 11^b col. 2 - 9

(1) giao dien

稚	Vai	辯	nâm	女	nữ	拯	châng	數	lâu	喫	gi
返	Gặp	些	nhé	共	cùng	僥	nhau	倍	vôi	244	.
車	Xe	呐	Nai	扶	rút	器	ra	替	dí	.	.
遠	mây	双	sang	袂	áo	之	gi	女	nữ	市	nao
天	thien - thai	馭	ngựa	愈	gió	阻	trô	叭	vào	.	.
劉	Lieu - lang	郎	chula	欺	khi	夫	lai	玉	ngoc - chân	真	248
𠂇	Ngulai	仙	tiên	易	dê	晦	hở	塵	trân	.	.
強	Cang	中	trong	低	dê	絆	bân	刦	kiếp	.	.
吒	Cha	歐	äu	厭	yêm	強	cang	份	di	恩	ân
𦵹	Trâm	咤	cha	咩	me	羨	ca	羈	con	.	.
𦵹	Trâm	辯	nâm	底	dê	𠂇	tâm	輪	son	數	lâu
軼	Chông	軼	chông	𦵹	uô	嬪	uô	𡇱	ai	𡇱	gai

fol. 11^b. col. 9-8 fol. 12^a. col. 1-H

卉	秋	蹈	底	達	茂	焜	香
Ngân	thu	dǎu	dế	tiên	đài	lúa	luong .
256-	曾	色	变	化	空	常	，
	Tueng	Đā	biến	há	không	thường	
	番	蕃	夬	夬	塘	啄	腩
	phen	di	lai	mai	tương	thám	nam .
	細	賜	椿	瘳	萱	病	màn ,
	Cái	ngày	xuân	heo	huyền	憊	東
	花	桃	栢	薢	群	gio'	dâng .
	Hoa	dào	mặt	nâm	còn	空	
		拙	絆	繡	色	không	
		Chết	bân	liu	ta	，	
260-	沒	命	油	驥	懸	雲	游
	Một	mình	dầu	long	long	vân	du .
		欺	月	穠	花	衢	
		Khi	nguyệt	ngang	hoa	cù	
	欺	春	鶯	欺	秋	雁	嗤
	Xuân	aanh	rúoc	khi	thu	nhan	mái .
		欺	闇	欺	蓬	菜	
		Khi	làng	苑	lóng	lai ,	
264-	欺	吟	棱	紫	最	羈	玄
	Khi	nay	xung	tía	mai	cia	huyền .

fo 12^a. col. 5 - 8 fo 12^b. col. 1 - 2

(1) T³ nga
(2) vieille femme

欺	时	美	女	青	年
Khi	thời	mĩ	nữ	thanh	niên
命	蹊	素	吟	篇	稼
Minh	theo	tô ⁽¹⁾ , liêng	ngâm	thiên	tuân
欺	时	老	姥	隱	形
Khi	thời	lão	mô ⁽¹⁾	ẩn	hình
狃	狼	狺	遯	迷	塘
Cay	mòng	gây	trùe, chài	quanh	tiêng
神	通	交	現	曾	方
Thần	thông	liễn	hiện	tùng	phường
球	影	汽	尋	常	箸
Cầu	phi	thuyền	tìm	thường	chó
其	船	碧	嫩	擣	輕
Kià	thuyền	biếc	non	xanh	khinh
每	名	诺	碧	命	戈
lbaï	danh	nước	non	mình	qua
天	明	勝	没	諒	些
Chiên	minh	thắng	một	long	ta
庵	清	厨	省	舐	惢
Am	thanh	chuà	tinh	ra	nui
参	景	永	貼	墨	懸
Chăm	canh	vâng	xem	ra	long
禪	禪	来	買	迷	曉
Thuyền	rãi	rãi	mua	quanh	trông

f012^b. col. 2 - 7

276 -	沒	隻	擣	界	松	請	台
	Mặt	chiếc	ghiề	duidi	tùng	thanh	thái.
	鞚	兜	產	蝶	歌	遡	,
	ngài	dâu	sản	dip	ca	chăi	
	彈	幽	鳥	堦	袞	孤	雲
	Dàn	u	diểu	cái	giải	cô	vân.
	塲	岸	貢	嗟	花	春	
	Cái	ngân	thâm	núc	hoa	xuân	,
	浩	浩	岸	噫	吝	彈	樞
	Đây	浩	ngân	núc	lân	dàn	Hồng.
280 -	活	捺	拍	灑	愈	灑	通
	Khác	reo	phách	sước	gió	sát	
	罿	皮	培	瀝	愈	臥	
	Bón	bé	lui	sach	người	không	,
	拔	縹	喈	妥	懶	逍	遙
	Vát	giây	tiêng	thuă	làng	tiêu	giao.
	山	山	愬	別	罪	包	
	Sân	lâm	vui	biết	là	ba	,
284 -	卉	重	仙	境	擗	臥	兜
	Vagan	trung	tiên	cảnh	so	vào	Kém
	喝	喝	未	埃	几	和	dâu.
	Hát	Hát	rái	ai	ké	hoa	
	賒	邊	固	喈	讀	勾	鄰
	Xa	dila	có	tiêng	đọc	cầu	Ranh.

f^o 12^b - col. 8 f^o 13^a - col. 1-5

1. Serviteur
2. voix forte et clair

向	Câu	浪	rāng	三	tam	木	mộc	森	sām	庭	tinh	庭	tinh
好	Hảo	兮	xi	子	tí	揔	có	情	tinh	懨	uám	埃	ai.
巾	Khăn	睂	xióng	覽	lán	固	cô	沒	mặt	臥	ngủ	香	luong.
蹠	Puôi	隗	giải	曠	rāng	拱	cung	類	laè	書	thu	塘	tuong.
蹠	Puôi	節	tiết	旄	mao	糴	trúoc	達	trên	網	clang	余	mây
蹠	Puôi	跔	rāng	沒	mặt	馭	ngula	澄	chung	別	liệt	繩	thêng.
蹠	Puôi	斯	gân	斯	chua	主	ta	莊	châng	庄	châng	澄	chung.
蹠	Puôi	鑽	vàng	鼎	sang ²	爽	thu	此	châng	沒	mât	莊	châng.
蹠	Puôi	重	trung	山	sân	出	lộ	路	châng	神	thân	沒	mât.
蹠	Puôi	句	câu	使	sai	者	câu	吏	châng	人	nhan	神	thân.
蹠	Puôi	貼	xem	才	tai	拱	cung	耽	châng	浪	rāng	対	dai.
												連	lien.

f^o 13^a. col. 5-8 f^o 13^b. col. 1-2

倍
và

傍
vâng

其
Khi

山
Sơn

300 -

攬
Đem

惻
Cay

308 -

慈
Cứ

畜
xuống

賒
xa

中
trong

眡
Nghe

人
nhân

主
Chúa

連
liên

別
Biết

拏
giao

入
vào

悲
by

馭
ngựa, dìng

主
chủ

意
ý

催
thôi

仙
tiên

連
đáp

文
tử

才
tai

麻
mà

沒
một

厨
chuà

市
nao

躊
chó

夬
lai

男
lão

者
giả

此
thứ

夬
lai

咳
hô

沛
phải

魂
hồn

拏
hôn

拏
tim

覓
thấy

邊
bên

指
tri

廊
lang

讀
đọc

吟
nay

者
giả

駁
giả

服
nguài

驚
kinh

魄
hồn

魄
mai

魄
mai

晦
hái

邂
sang

茄
nhà

跔
ngay

貼
xem

唾
nhè

李
hoc

情
tinh

魄
hồn

魄
mai

魄
mai

魄
mai

詳
tuàng

低
dây

跔
ngay

貼
xem

才
tai

生
sinh

魄
hồn

魄
mai

魄
mai

魄
mai

魄
mai

fols. col. 3-8

絶	霧	蹤	跡	市	挨	曉
Euyệt	mù	tâng	tiết	nào	ái	tiêng
跳	来	夬	厨	外	躊躇	松
Biẽ	rài	lai	chuà	ngoài	lưỡng	tùng
燭	塘	覓	我	樓	松	主
Rô	tâng	thấy	nga	cây	tùng	chủ
熾	卯	口	宥	公	強	題
riêng	mão	khẩu	chút	công	càng	-312
貼	墨	憲	使	批	惰	伶
Xem	ra	long	sui	phiê	ghê	ranh
競	模	累	筆	毛	夬	忼
Canh	cây	bón	lit	dâ	lai	danh
縣	猝	連	水	馬	批	伶
Duối	cuội	tiên	thủy	mã	phiê	ranh
連	已	走	分	明	毛	忼
liên	di	tâu	phan	minh	mat	danh
推	罷	意	思	於	中	洞
Suy	ra	gý	ti	trong	trong	-316
浪	馮	姓	起	工	姤	麻
Râng	Phuong	tinh	khai	cang	do	ma
些	肘	父	老	gai	ra	,
ta	thái	phu	lao	,	,	
郎	郎					
Euic						

f^o 13^b - col. 8 f^o 14^a - col. 1-5

(c) *ngữ âm, live.*

320 -	金 <i>Kim</i>	銀 <i>ngân</i>	底 <i>dế</i>	吏 <i>lai</i>	佛 <i>phật</i>	座 <i>tà</i>	創 <i>sáng</i>	添 <i>thêm</i>
	憎 <i>Trò</i>	熾 <i>rắng</i>	顯 <i>hiển</i>	現 <i>hiện</i>		朱 <i>cho</i>	貼 <i>xem</i>	
	罪 <i>Bán</i>	句 <i>câu</i>	詰 <i>ghi</i>	祕 <i>lầy</i>	夕 <i>lâm</i>	信 <i>tin</i>	麌 <i>sau</i>	尼 <i>này</i>
	東 <i>Dōng</i> - <i>Kinh</i>	京 <i>kinh</i>	車 <i>xa</i>	鶴 <i>hạc</i>	夾 <i>lai</i>	影 <i>bay</i>		
324 -	欺 <i>Khi</i>	最 <i>lâm</i>	中 <i>trung</i>	庸 <i>phó</i>	欺 <i>khi</i>	吟 <i>nay</i>	外 <i>ngoài</i>	城 <i>thành</i>
	报 <i>Báo</i> - <i>thiên</i>	天 <i>thiên</i>	未 <i>rãi</i>	夾 <i>lai</i>	橫 <i>hoành</i>	亭 <i>dinh</i>		
	槐 <i>Hoè</i> - <i>nhai</i>	街 <i>nhai</i>	來 <i>rãi</i>	吏 <i>lai</i>	現 <i>hiện</i>	形 <i>hình</i>	東 <i>dōng</i> - <i>tân</i>	津 <i>tân</i>
	教 <i>Đi</i>	故 <i>đi</i>		吏 <i>lai</i>	夾 <i>lai</i>	余 <i>máy</i>	吝 <i>lân</i>	
328 -	蹈 <i>Dǎu</i>	仙 <i>tiān</i>	迷 <i>quanh</i>	姬 <i>đo</i>	昧 <i>mát</i>	塵 <i>thân</i>	挨 <i>ai</i>	能 <i>hay</i>
	馮 <i>Phùng</i> - <i>guan</i>	官 <i>guan</i>	北 <i>bắc</i>	使 <i>ad</i>	術 <i>vẽ</i>		跔 <i>ngay</i>	
	簿 <i>Bộ</i> ⁽¹⁾	書 <i>thu</i>	夾 <i>lai</i>	沛 <i>phái</i>	脰 <i>dêm</i>	賜 <i>ngay</i>	准 <i>chóm</i>	公 <i>công</i>

fol H^a-col. 6-8 fol H^b-col. 1-3

1) ethere

想	勾	溝	洒	外	鎌	朋
Cuồng	câu	Tiêu	sái	ngaāi	wáng	332
酉	朱	印	色	翁	市	𦵹
Dấu	Chu	deo	dā	âng	nào	.
𠂇	攸	𢃊	愈	姊	𦵹	賸
Nhó	Nhó	Nhau	giō	chī	giāng	.
湖	西	其	𠂇	𠂇	空	賸
Hồ	Tây	Kia	dō	nay	khō̄ng	.
醜	醜	歌	彈	撮	策	器
Riê̄u	Riê̄u	bâu	dan̄	tui	sách	ra
李	吳	台	𠂇	伴	茄	少
Lý	Sô	hai	gô̄	ban	nhā	niêu
皮	皮	欺	脣	夏	𦵹	蓮
Viê̄a	Viê̄a	khi	thâng	hā	liên	.
香	賚	閑	斛	律	邊	船
Huâ̄ng	thâm	muân	hôc	lot	lên	thuyền
景	清	清	濶	沒	瓢	𦵹
Cañh	thanh	thanh	dây	mât	gaī	.
老	馮	因	興	詩	遡	沒
Lão - phùng	phùng	nhan̄	luâng	thô	chài	mât
奔	奔	波	名	利	達	排
Bôn	Bôn	ba	danh	lái	tiê̄n	lái

340

f014b. col. 3-8

1) Liger, ligeme

閑	身	色	邊	外	湖	西
Nhàn	thân	phút	đá	bên	hồ	Tây
蓬	蓬	菜	界	達	排	懸
Bông	-	lai	lä	dát	bày	long
344 - 油	仙	俗	傳	跔	搣	搊
Oil	tiên	tục	truyền	ngay	lòi	nguidi
尼	覓	吳	於	都	中	幘
Nay	chay	Ngô	ò	tua	trong	tranh
348 - 積	些	俗	拱	𠂇	清	西
Riêng	ta	tục	cung	giải	thank	Tây
花	眼	外	沫	脻	輸	湖
Hoa	nhän	ngoái	mát	giảng	thua	hồ
宍	潤	如	腥	腥	輸	
Duā	Dong	nho	tênh	tênh	thua	
352 - 眇	咄	兜	李	市	詩	船
Bâng	mài	dâu	Lý	ai	tho	thuyen
宍	猩	騷	拱	都	詩	
Duā	con	tao	cung	tua	tho	
眴	昧	柳	達	戢	淹	
	mát	liêu	rúoc	gác	êm	
				仙		
				仙		
				戾		
				戾		

f. 15^a col. 1 - 6

1 aspect, air

臥	放	逸	几	清	奇	
Ngủ	phóng	dật	ké	thanh	tík	
詩	中	象	埃	時	劍	唉
Chó	trung	氣	ai	thời	kiếm	ai
固	瞞	兜	桂	香	沫	
Cố	giông	dâu	què	lương	lý	
欺	瞞	柯	盡	坭	瀨	356
Khi	giông	ā	tận	núi	đan	mài
塘	堤	僥	呐	唶	咄	
Điều	dê	nhanh	nói	cười	cười	
圮	髓	𡇠	咤	𠵼	稊	
Quarry	thắng	hoe	ba	người	tuôi	
睥	槐	中	准	婆	婆	
Nhắc	hoe	trong	chón	sâu	sâu	
睨	覓	固	酒	婆	婆	
trông	thấy	có	tâm	lâu	một	
扁	輪	畢	窄	涅	花	360
Buǎn	san	bán	chít	nét	hoa	
西	湖	風	月	茄	捺	
Tây	hồ	khong	nguyệt	nha	treo	
霸	外	外	窄	堆	邊	
Cùa	ngoài	chuối	thảo	tái	bên	

f° 15^a. col. 6 - 8 f° 15^b. col. 1 - 3

364 -	壺	中	城	外	勾	連	五	言
	Hò	trung	thuân	ngoại	câu	liên	ngũ	ngôn.
	閑	日	月	小	乾	坤	坤	,
	Phân	nhat	nguyệt	tiểu	càn	khôn	,	
	風	騷	羨	意	詩	魂	色	迷
	Phang	tao	nhuâng	đý	thi	hồn	đá	mê.
	祆	紅	濕	倘	簾	絕	絕	
	Áo	hồng	thấp	tháng	diêm	the	,	
368 -	隔	屏	吏	躋	棋	美	墮	人
	Cách	linh	lai	dùng	ké	mí	sân	nhan.
	准	李	夾	躋	外	墮	市	低
	Chẩn	Ný	xiá	tiêng	ngoài	nay	nào	dày.
	乘	臺	楚	樓	泰	秦	吟	
	Chia	tái	Sô	lâu	Tân	hán	nay	
	詔	間	特	眼	最	最	亭	蘭
372 -	Chieu	花	解	會	bày	排	tinh	lan.
		浪	低	店	Liêu	柳	nương	
		Ràng	dày	diệm				
	臥	吟	風	雅				
	Nguái	nay	phong	nhã				

		f° 15 ^b - col. 4 - 8	f° 16 ^a - col. 1	(1) vers parfaits admirables	(2) léger, récurrent rare	(3) rongt	(4) binaires couplé	(5) binaires couplé
承	Elua	呸	呸	固	侍	兒		
		nhiè	dă	eo	thu	nhi		
簾	Diêm Rém	絕	高	捲	連	翁	難	- 376
		the	cao	cuốn	ruiac	āng	ngōi	
兀	Ba	跔	臥	撕	袂	坭		
		nguội	silā	ao	đen	nái		
南	Nam	窓	牕	沫	黃	梅	醡	
		sang	gió	mát	haoäng	mai	nhu	
卑	Vách	壁	東	覓	固	沒	俳	
		đâng	đâng	thay	có	mót	lai	
罪	Bôn	句	絕	勾	咷	臥	詩	名
		câu	tuyệt	ei	triêu	nguài	thu	danh
中	Trong	李	些	貼	意	拱	靈	- 380
		Lý	ta	xem	ý	cung	lanh	
𠂇	hām ⁽³⁾	散	參	宥	折	成	逝	台
			lâm	chü	chiết ⁽⁴⁾	thanh	mudi	hai
浪	Râng	臥	色	悶	惠	來		
		nguội	dă	muon	hue ⁽⁵⁾	lai		
𠂇	Không	空	沒	物	贈	唉	中	尼
			mót	vât	tang	ai	trong	nay
隔	Cách	屏	贍	律	呻	醞		- 384
		linh	nghe	dat	giang	say		

f° 16^a. col. 1 - 6

	花	箋	𠂔	洒	侍	婢
	Hoa	tiến	phút	trào	thì	tị
388 -	浪	低	風	味	嚙	喙
	Răng	dây	phong	có	gī	,
	頭	題	詩	固	遠	遠
	Dâu	dê	thi	vô	dila	dila
	叶	埃	奩	爲	速	唼
	Xin	ai	quát	vì	mây	gay
	返	僥	沒	嵩	逮	.
	Gây	nhanh	một	tung	mây	,
	翫	拱	傳	能	中	蔑
	Mo'	cung	truyền	hay	trong	dâi
	湖	貼	倍	哪	哩	.
392 -	Cây	xem	và	vâng	nhái	,
	謙	開	沒	排	哩	律
	Khiêm	guan	mặt	bai	nhái	dâi
	詞	韻	李	vâng	,	.
	tu	vân	Lý	vâng	,	
	馮	意	沒	買	哩	
	Phuông	yí	mặt	mâi	thula	
	意	監	叶	叶	rây	
	yí	dám	xin	xin	rây	
	雅	務	呐	呐	thula	
	nâa	múa	nâi	nâi	rây	
	主	務	知	知	thula	
	Quê	múa	琴	琴	rây	
	春	叶	曲	曲	thula	
396 -	Đường	xuân	唱	唱	câm	朱
	陽	xin	khúc	khúc	cho	蹠
						.

f° 16^a col. 9-8 f° 16^b col. 1-4

郎	时	玉	唯	錦	缌	天
lāng	shí	ngọc	nuôi	gấm	thêu	tiān
沒	勾	笄	韻	頭	笄	連
mòt	cāu	biāi	vân	dâu	zhī	lián
跔	跔	蹠	韻	緞	縷	遭
guài	guài	theo	vân	nái	nǎi	zāo
桃	源	兜	𠂇	緣	緣	逢
táo	-	ōu	ōu	duyên	duyên	féng
道 -	nguyên	dâu	拱	duo	双	400
			cung	dâ	sóng	
吝	吝	吳	李	馮	渚	
lìn	lìn	Wō	Lǐ	Phùng	chǔ	
吟	哦	結	旦	讀	蓮	鍼
yín	nga	kết	dán	đọc	lián	nēn
樓	中	恆	嗜	仙	覽	
lầu	trong	nghe	tiêng	tiên	lǎn	
沒	浪	我	是	仙	是	排
mòt	rāng	ngô	thì	tiên	shì	bāi
韻	兜	漁	父	mòt	người	
vân	ōu	Vô	父	mòt	người	
俸	簪	魚	沒	藉	雖	
Bông	zāi	phú	mòt	vai	duāi	
洒	撚	竹	藉	藉	蘇	
say	mang	trúc	thី	thី	to	
逍	逍	禡	趣	邊	湖	
xiāo	xiāo	rieng	thី	bên	lô	

f^o 16^b. col. H-8 f^o 19^a. col. I

(1) embowes, affliction

408- 邑 *Ba* 勹 *câu* 兮 *hè* 姑 *dó*, 喝 *hát* 朱 *cho* 聰 *nghe* 調 *đêu*.

中 *trung* 茄 *nhà* 侍 *thì* 女 *nữ* 墨 *ra* 跡 *theo*, 咏 *nói* 之 *chí*.

醜 *Ridu* 低 *dày* 鮓 *cá* 帝 *tây*, 𠎴 *ít* 穫 *nhiều* 呴 *nói* 奇 *sí*, 噩 *mái*.

412- 美 *Mỹ* 人 *nhan* 眇 *giò* 鯈 *gái* 絲 *vé* 紅 *lông* 衣 *y* 戈 *go* 噩 *mái*.

西 *Dâu* 浪 *rāng* 榛 *rō* 欺 *khi* 貴 *guý* 客 *khách* 削 *sáng* 茄 *nhà*, 噩 *mái*.

尋 *Tüm* 常 *thường* 茄 *nhà* 味 *ui*, 噐 *gai* 嗔 *gai* 拖 *đỗ* 低 *dày*, 醍 *say*.

眾 *Người* 添 *thêm* 煩 *phiền* 累 *luy*⁽¹⁾, 唐 *tiêng* 突 *đột* 碎 *tối* 憤 *thùng*.

fo 19^a. col. 9-8 fo 19^b. col. 1-4

吏	勾	塵	隔	三	生	者	臥	城
Lai	câu	trâu	cách	tam	sinh	gá	rái	thành
432 - 臯	席	懶	茶	戰	皮	未	中	
Ba	Liệc	ui	ché	chiến	vül	rái	trong	
桃	拉	撕	術	堦	堦	情	情	
Đào	sáp	sua	vẽ	nói	não	tinh	tinh	
	湖	西	市	景	市	命	堯	低
	Hồ	Tây	nào	cảnh	não	mìn	đâu	dây
准	源	髮	邊	邊	命	堯	賜	堯
Chẩn	nguyên	phảng	lên	lên	vai	ngay	lai	di
	跨	蹠	特	特	vai	賜	依	女
	Vghi	chan	殊	殊	lai	giây	gai	nua
酒	懶	吏	買	蹈	群	嘆	堯	堯
Liều	ui	lai	mãi	dau	còn	gi	su	su
436 - 隊	槐	街	風	景	覽	羣	羣	羣
	Hoe	nhai	phong	cảnh	thay	con	con	con
酒	樓	花	坐	坐	覽	嘆	嘆	嘆
Liều	lâu	hoa	toa	thay	thay	gi	gi	gi
	尽	堦	脣	泣	哭	羣	羣	羣
	Tien	nài	nün	kháp	trudc	trudc	trudc	trudc
440 - 裕	槐	固	宥	篆	篆	矮	余	行
Goc	hoe	có	chü	trien	trien	sau	magy	hang

f°19^b col. 5 - 8 f°18^a col. 1 - 2

詳	詳	詳	仙
tương	tương	tương	tiên
返	返	返	。
玄	玄	玄	。
覓	覓	覓	。
裝	裝	裝	。
444			
臥	臥	臥	臥
448			
持	持	持	持
持	持	持	持
馮	馮	馮	馮
馮	馮	馮	馮
沒	沒	沒	沒
沒	沒	沒	沒
提	提	提	提
提	提	提	提
桂	桂	桂	桂
桂	桂	桂	桂
廣	廣	廣	廣
廣	廣	廣	廣
宮	宮	宮	宮
宮	宮	宮	宮
尼	尼	尼	尼
尼	尼	尼	尼
場	場	場	場
場	場	場	場
鉢	鉢	鉢	鉢
鉢	鉢	鉢	鉢
448			
持	持	持	持
持	持	持	持
馮	馮	馮	馮
馮	馮	馮	馮
沒	沒	沒	沒
沒	沒	沒	沒
提	提	提	提
提	提	提	提
桂	桂	桂	桂
桂	桂	桂	桂
廣	廣	廣	廣
廣	廣	廣	廣
宮	宮	宮	宮
宮	宮	宮	宮
尼	尼	尼	尼
尼	尼	尼	尼
場	場	場	場
場	場	場	場
鉢	鉢	鉢	鉢
鉢	鉢	鉢	鉢

f° 18^a - col. 2 - 9

452.	焜	Lú	香	huong	吟	nay	刹	vân	嘴	tiêng	蒼	thâm	数	lâu	覲	giải
	鶴	Hoc	湖	Ho	西	Tây	自	tự	阻	trở	仙	tiên	鞋	lai	朔	sóc
			中	trung	渡	bến	水	thủy	遠	mây	外	ngoài	關	guan	鄉	hương
			河	Ha	清	thanh	來	rồi	吏	lai	橫	haanh	步	lô	行	hành
456.	清	Chanh	科	Khoa	冷	lanh	水	thuy	塘	tuong	昂	ngang	清	thanh	群	còn
			別	Biết	包	bao	遺	di	像	tuong	肅	tuc	剖	vân	嫩	nan
	江	Giang	山	sơn	刹	vân	妬	do	精	tinh	英	anh	嫩	nan	羣	còn
			石	Thach	城	thanh	庸	pho	葛	Cát	連	trên	羣	con	剗	rây
460.	疋	Ba	層	tung	閣	gác	紫	tia	樓	lâu	輪	son	初	sua	剗	rây
			陰	âm	陽	dương	固	có	讲	diêng	逞	la	台	tay	鴻	ve
			牕	Dêm	又	thoi	卉	can	賜	ngay	又	ngay	空	khong		

fo18^a - col. 8 fo18^b - col. 1 - 3 1) stān tāy "incomparable"

界	溪	鯀	恪	每	坭	台
Deli	Khe	cá	khắc	mỗi	nồi	
妥	安	饅	沒	類	攸	
An	chay	mǎn	một	loài	chia	hai
頭	顛	憊	鼎	命	賤	
Dâu	den	bìng	trống	mình	giại	
曾	吝	岱	都	遙	捐	臥
Tsing	dàn	岱	dua	chái	quen	ngái
濠	濠	梁	意	畀	惄	
Hao	háo	liáng	í	là	ui	
瀨	挽	刀	准	謀	殘	貪
Chó	dem	dao	chẩn	mái	tān	than
宋	宋	山	砌	社	耽	
Lóng	-	sân	thoát	xa	co	
沒	坭	秀	水	名	岩	堯
Mát	nồi	tú	thủy	danh	lâm	đầu
尗	尗	辯	尗	名	朝	跔
Chín	mùi	mùi	chín	quái	châu	ngay
迷	又	三	疋	崑	排	邊
Quanh	quanh	tam	diệp	núi	bày	bên
榮	榮	山	景	意	捲	麌
Süng	-	sân	cảnh	í	rất	sau

f018^b. col. 5 - 8 f019^a. col. 1 - 21) ló-làng "mang."
2) 1649-1662

顯	靈	沒	夢	玉	樓	余	座	詳
Hien	linh	mét	móng	ngoc	lâu	mây	tää	tuong.
神	宗	課	後	後	黎	些	諸	
Pham - ton ⁽¹²⁾	thua	hau	ngai	Lê	ta	chua	chua	
476 - 違	塘	凡	𠂇	𠂇	戈	彖	彖	
Enen	Tuong	Ke	khon	qua	nho	nhang	nhang	
昧	塵	坤	掣	汝	tang	威	威	
Matt	trän	khon	siết	nho	duong	uy	uy	
禍	福	善	堆	塘	庭	靈	靈	
Hoa	dam, phuc	thien	lai	帝	dinh	linh	linh	
百	官	奏	旦	帝	-	尋	常	
Bach	guan	tieu	tan	de	-	tam	thuong	
480 - 中	朝	想	仍	精	王	茄		
Vuong	trieu	teeng	nhung	tinh	tam	nha		
皮	欺	黎	鄭	鄭	wuong			
Vua	khi	Lê	trinh	trinh				
鑿	親	旦	鄉	鄉				
Laan	thien	tan	luong	luong				
殿	崇	仲	仕	仕				
Den	Song	giua	tray	tray				
484 - 皇	宮	女	座	座				
Hoang	cung	nue	taa	taa				
	- than	- mat						

fig^a col. 3-8(1) parasol . (3) chair
(2) établis (4) échelle

縣	Duì	傘	guān	(1) parasol . (3) chair
糕	Láng ⁽¹⁾	揚	dàng ⁽²⁾	ngả
乘	Chéng	馭	ngả	ngả
從	Tuōng	乘	chéng ⁽³⁾	chéng ⁽⁴⁾
阻	Cù	官	guān	guān
怪	Quái	余	máy	máy
詔	Chiêu	奇	kí	kí
詔	Chiêu	懸	long	long
尋	tìm	求	cầu	cầu
法	Pháp	柴	thay	thay
前	Tiền	師	sư	sư
朝	Triều	靈	linh	linh
法	Pháp	傳	truyền	truyền
前	Tiền	跡	lích	lích
朝	Triều	亭	dinh	dinh
各	các	廊	lang	lang
道	đạo	場	trường	trường
各	các	之	chi	chi
道	đạo	汝	nhi	nhi
場	trường	塘	tương	tương
之	chi	蒙	nhang	nhang
坡	bô	-488		
				-492

fol 19^a col. 8 fol 19^b col. 1-5

496 -	百	神	名	位	驕	傘	連	黎
	Bách	thần	danh	ui	Kiều	tàu	rèc	di
	崇	山	細	姑	沒	時	欺	墨
	Sùng	- sán	tái	符	mặt	thời	khi	ra
	柴	时	鬼	符	時	懸	廌	廌
	Cháy	thời	guǐ	phù	thời	long	do	do
	黎	化	皇	恆	內	恆	恆	恆
	Lê	- hoàng	nghe	nghé	nói	long	lo	lo
500 -	上	師	恆	旦	勑	朱	使	雖
	Chưởng	- sii	nghé	đán	sác	chao	sí	mái
	慈	明	清	化	且	đến	坭	坭
	Cu	- minh	Thanh	化	đến	đến	nai	nai
	師	矜	寂	琨	臥	羣	群	群
	Suu	nay	tich	can	hieu	còn	ba	ba
	台	色	左	右	塘	賒	賒	賒
	Hai	官	ta	hieu	trảng	xa	xa	xa
504 -	前	官	姦	僅	於	茄	辭	岱
	Liên	- quan	em	ít	ò	nha	tí	thay
	堆	堆	吝	旌	節	逐	低	低
	Dái	Dái	lân	tinh	tiết	giac	dây	dây
	巴	臥	訂	約	蹠	跔	臥	朝
	Ba	ngudâi	tinh	uoc	theo	ngay	vào	châu

f° 19^b - col. 6 - 8 f° 20^a - col. 1 - 3

1. effrayable; chin 'scared'
2. se faire des amitiés

𠂇	Vâng	𠂇	vui	國	guốc	除	trū	妖	yêu
封	Phong	𠂇	nhiết	爲	vui	蹠	theo	溫	ân
初	Hila	統	thông	諭	dụ	山	sân	存	tôn
軍	Guân	朱	Chu	領	lĩnh	門	mân	508	
罪	Bóng	家	Gia	傳	truyền	產	sản		
悲	Bây	箕	Kia	色	da	世	thế		
中	trong	夾	lai	命	mạnh	尊	tôn	度	độ
指	Cùy	睂	giô	奉	phụng	欽	khâm	差	sai
旗	cờ	余	máy	萬	vạn	外	ngoài	余	máy
浪	Râng	塘	điêng	三	tam	山	sân	林	lâm
前	Cuên	嗜	tiêng	鏡	suing	暗	âm	今	chin
	- quan	賒	xâ	仙	tiên	主	chúa	恆	ghê
		些	ta	子	tí	𠂇	da	恆	
		些	ta	𠂇	há	𠂇	e	𠂇	
		前	de	樣	dang	𠂇	thường	𠂇	
		官	quan	假	giả	常	nhân	人	

f° 20^a. col. 3-8

沒	命	沒	馭	吝	祟	山
<i>khát</i>	<i>mình</i>	<i>mặt</i>	<i>ngựa</i> , <i>thay</i>	<i>la</i>	<i>sùng</i> - <i>sân</i>	
520 -	主	些	几	非	常	
<i>Xuồng</i>	<i>chúa</i>	<i>ta</i>	<i>ké</i>	<i>phy</i>	<i>thường</i> ,	
	壇	咄	晦	詳	根	緣
	<i>thiên</i>	<i>mài</i>	<i>hai</i>	<i>tương</i>	<i>căn</i>	<i>duyên</i> .
	前	官	浪	買	信	
	<i>Tiên</i> - <i>quan</i>		<i>răng</i>	<i>mài</i>		
	初	箕	主	本	天	庭
<i>Xila</i>	<i>kia</i>	<i>cang</i> - <i>chia</i>	<i>vua</i>	<i>vốn</i>	<i>thiên</i> - <i>dinh</i>	
	越	南	自	課	顯	
	<i>Việt</i> - <i>nam</i>		<i>tự</i>	<i>thuỷ</i>	<i>hiển</i>	
524 -	迦	鬼	哭	轉	命	嵩
<i>Gia</i>	<i>guý</i>	<i>guý</i> , <i>gian</i>	<i>khóc</i> , <i>truyền</i>	<i>truyền</i>	<i>mình</i>	<i>tung</i> .
	世	間	神	女	無	双
	<i>Thế</i> - <i>gian</i>		<i>thần</i> - <i>nữ</i>		<i>vô</i>	<i>song</i> ,
	咸	名	府	公	同	色
<i>Uy</i>	<i>danh</i>	<i>tan</i>	<i>phủ</i>	<i>công</i>	<i>đồng</i>	<i>da</i>
	沒	三	太	過	今	哝
	<i>khát</i>	<i>tam</i>	<i>thái</i>	<i>qua</i>	<i>chin</i>	<i>e</i> ,
528 -	傷	條	几	教	術	託
<i>Chưởng</i>	<i>thay</i>	<i>diêu</i>	<i>ké</i>	<i>di</i>	<i>vé</i>	<i>tha</i>
	台	仍				冤
						<i>can</i> .

f 20^a col. 1—6

尋	尋	尋	尋	尋	尋	尋	尋
Lé	nguồn	định	nǎi	giận	Lê	ha xanh	皇
雷	術	土	并	恨	lán	trì	除
Lai	thuật	thổ	tinh	并	之	lì	移
或	晦	效	法	爲	爲	之	之
Hoặc	Hái	diệu	pháp	爲	拖	dài	偿
或	異	少	吁	信	信	thay	532
là	thiếu	寸	xin	tin	ngay		
浪	寔	愚	色	得	laza		
Riêng	Chí	奉	da	酸	ngay		
浪	些	奉	自	頑	gây		
Riêng	ta	phụng	tu	頑	ngaan		
仍	初	心	固	猪	chula		
Nhưng	phi	tâm	có	猪	rang		
仍	為	下	愚	猪	芳		
Nhưng	vì	ha	gu	chula	thé		
沒	連	时	界	猪	thé		
Mất	Tiến	thời	gu	chula	thé		
沒	番	沛	底	猪	thé		
Mất	phiên	phai	de	chula	thé		
悲	悲	睂	騎	虎	hò		
Bãy	Bãy	giô	ký	hò	thé		

		f ^b 20. col. 6-8 f ^a 21. col. 1-3				1) Secret
540 -	臥 <i>Nguội</i>	貌 <i>nay</i>	妬 <i>dó</i>	妾 <i>thiếp</i>	汀 <i>tanh</i>	恩 <i>an</i>
	吟 <i>nai</i>	来 <i>rái</i>	躊躇 <i>tiêng</i>	趨 <i>giây</i>	罷 <i>ra</i>	迺 <i>tay</i>
	跔 <i>Ba</i>	裔 <i>ngân</i>	祕 <i>bí</i>	此 <i>thi</i>	排 <i>bây</i>	臥 <i>nguội</i>
	前 <i>Tiên</i>	官 <i>- quan</i>	訣 <i>khén</i>	法 <i>phép</i>	妙 <i>diêu</i>	能 <i>hay</i>
544 -	巾 <i>Khiêm</i>	紅 <i>hồng</i>	收 <i>thu</i>	祉 <i>lây</i>	中 <i>trong</i>	謝 <i>ta</i>
	別 <i>Biết</i>	別 <i>tinh</i>	情 <i>tinh</i>	仙 <i>tiên</i>	主 <i>chúa</i>	術 <i>vẽ</i>
	魔 <i>Ma</i>	王 <i>vuông</i>	部 <i>lộ</i>	下 <i>hạ</i>	累 <i>lén</i>	蹠 <i>duải</i>
	跂 <i>Ba</i>	蹠 <i>ngày</i>	睂 <i>ngày</i>	愈 <i>gio'</i>	皮 <i>bê</i>	蹠 <i>deo</i>
548 -	駁 <i>Lingga</i>	丕 <i>giải</i>	涒 <i>sang</i>	越 <i>dây</i>	纍 <i>sâm</i>	嘹 <i>reо</i>
	市 <i>Vào</i>	市 <i>hay</i>	能 <i>hay</i>	法 <i>pháp</i>	峩 <i>deo</i>	模 <i>cây</i>
	魔 <i>Ma</i>	王 <i>vuông</i>	前 <i>tiên</i>	部 <i>lộ</i>	内 <i>nai</i>	隉 <i>thiêng</i>
					趨 <i>chạy</i>	棱 <i>xêng</i>
					汚 <i>miễn</i>	凌 <i>sâu</i>

f^a 21^a col. 4-8 f^b 21^b col. 1

(1) se reperatur

官	軍	旛	旦	纓	麌
<i>Quan</i>	<i>guān</i>	<i>kéo</i>	<i>dán</i>	<i>truồi</i>	<i>sau</i>
崇	山	炬	花	樓	廸
<i>Sùng</i>	<i>sân</i>	<i>lửa</i>	<i>hoa</i>	<i>lầu</i>	<i>do</i>
西	朱	變	化	空	常
<i>Dâu</i>	<i>cho</i>	<i>biến</i>	<i>hóa</i>	<i>không</i>	<i>thường</i>
神	竜	失	坤	塘	翹
<i>Chân</i>	<i>long</i>	<i>thất</i>	<i>khôn</i>	<i>tương</i>	<i>bay</i>
靈	世	尊	佛	俎	詳
<i>Linh</i>	<i>chế</i>	<i>tôn</i>	<i>phật</i>	<i>tương</i>	<i>tíington</i>
山	車	駕	倍	傍	審
<i>sân</i>	<i>xa</i>	<i>giá</i>	<i>vai</i>	<i>vang</i>	<i>xưởng</i>
三	官	睂	舉	輒	遽
<i>Sam</i>	<i>quan</i>	<i>tròng</i>	<i>lóng</i>	<i>nâm</i>	<i>mây</i>
叩	頭	謁	執	狃	跼
<i>Khâu</i>	<i>đầu</i>	<i>bái</i>	<i>chấp</i>	<i>tay</i>	<i>nghe</i>
世	尊	浪	主	狉	委
<i>chế</i>	<i>tôn</i>	<i>răng</i>	<i>chúa</i>	<i>con</i>	<i>giài</i>
色	磊	纓	吏	咥	悔
<i>Đào</i>	<i>lỗi</i>	<i>truồi</i>	<i>lại</i>	<i>nhái</i>	<i>hái</i>
甘	臤	量	轢	波	吟
<i>cam</i>	<i>nguội</i>	<i>liàng</i>	<i>rặng</i>	<i>bé</i>	<i>nay</i>
吁	臤	量	轢	波	浩
<i>Xin</i>	<i>nguội</i>	<i>liàng</i>	<i>rặng</i>	<i>bé</i>	<i>tây</i>

f. 21^b. col. 1 - 6

朱	蹠	些	准	禪	齋	住	持
Cho	theo	ta	clion	thuyen	trai	chu	chi
三	官	恆	恆	歇	啞	慈	慈
Cam	quan	nghe	nghe	het	nhai	ly	,
564 - 憶	叶	主	沛	依	於	命	傳
Sa	xin	chua	phai	y	z	mank	truyen
証	明	固	沃	於	蓮	達	,
Chuang	minh	eo	phat	z	sen	trien	,
袈	默	祫	帽	恩	隊	婆	頭
Da	ma	感	mu	an	dai	sau	dau
主	些	沃	謝	修	lou	tra	,
Chua	ta	phat	ta	tu	tra	tra	,
急	蹠	欺	術	心	禪	thuyen	.
Kip	theo	khi	ve	tam	tra	tra	,
誦	自	飯	沃	賢	專	証	知
Cuong	kinh	phay	phat	luon	truyen	chuang	tri
雪	經	法	聖	清	奇	課	,
Cuyet	thinh	phay	thanh	thanh	kij	thua	,
悲	群	沒	解	特	持	初	,
Bay	cang	mot	gai	chi	chi	xia	.
572 -	賒	躡	修				
	giac	cang	tu				

f° 21^b col. 9 - 8 f° 22^a col. 1 - 4

(1) errorneat?

像	銅	邊	沃	嚴	猪	移
Euong	dong	ben	phat	sam	trua	rui
兵	曾	笠	愈	渭	空	台
binh	tung	lai	gio	mua	Khang	
活	楊	沫	沫	清	台	
hieu	duong	mát	mé	thanh	thoi	
崇	山	景	顛	使	坭	術
Suong	-son	canh	cuu	lai	ndi	vé
禎	瓢	活	活	阻	嫩	要
Rieng	lau	nua	nua	tiob	non	che
現	少	美	女	伴	彼	惱
Hien	lam	my	nui	lon	be	vui
德	翁	翁	柴	貞	沒	眾
Duc	ong	ong	thay	cuong	mot	nguo
少	年	科	舉	達	裝	才
Thieu	niem	khoa	ciu	trien	dai	tai
鑑	恆	恆	內	道	拱	靈
Lam	nghe	nghe	nai	dao	cung	linh
蹠	喙	少	禮	門	生	中
Theo	dai	lam	le	man	sinh	trong
前	官	官	來	夬	後	官
Tien	-quan	quan	rai	lai	hau	-quan

576

- 580

f^a 22 - col. 4-8 f^b 22 - col. 1

584 - 台	裝	學	特	法	全	神	通
	Hai	dai	học	tiết	toàn	thần	thông
	皮	欺	設	主	城	崇	,
	Vila	Khi	gấp	chúa	đèn	Song	,
	祕	勾	風	墨	懸	捺	賄
	Lý	câu	phong	nhà	long	triệu	ngambi.
	主	些	雅	誠	遯	咄	,
	Chúa	ta	nha	thanh	don	mồi	,
588 - 酱	中	沒	斗	詩	時	暮	篇
Riêng	trong	mặt	tâu	thơ	thời	trầm	thiên
	覓	才	上	座	違	蓮	,
	Phay	tai	thuong	tọa	rúoc	lên	,
	拱	柴	貢	瑞	連	麵	招
giỗ	say	thay	cāng	duôi	lien	tay	trao
	醜	浪	如	主	才	高	,
		Rāng	nhi	chúa	tai	cao	,
592 - 此	吟	墨	貴	吁	躊	躭	低
Thi	nay	ra	quý	xin	tiēo	ngai	tay.
	贊	法	法	氣	躭	蹠	,
	Nghe	phiết	phiết	khi	ngai	ngay	,
	兜	息	tic	鉄	躭	現	形
	dāu	nhai	thuét	trong	tay	hién	linh.
	產	錐	鉄	中			
	Pan	chuuy	thuét	trong			

(1) timber, wood

<i>f 22^b coh 2 - 9</i>						
主 <i>Chúa</i>	些 <i>ta</i>	當 <i>đương</i>	狀 <i>lúc</i>	無 <i>vô</i>	情 <i>tình</i>	
捨 <i>Đản</i>	神 <i>thần</i>	訣 <i>guyết</i>	冰 <i>băng</i>	命 <i>mình</i>	邊 <i>bên</i>	滄 <i>sông</i>
愈 <i>Gió</i>	速 <i>máy</i>	沒 <i>một</i>	陣 <i>trận</i>	同 <i>đồng</i>	道 <i>đạo</i>	
蹠 <i>Elco</i>	柴 <i>thây</i>	法 <i>pháp - cảng</i>	貞 <i>cảng</i>	旦 <i>đán</i>	中 <i>trong</i>	場 <i>tràng</i>
	後 <i>Hậu</i>	官 <i>quan</i>	瞓 <i>trông</i>	覽 <i>thấy</i>	倍 <i>vội</i>	傍 <i>vùng</i>
捨 <i>Cầm</i>	跔 <i>ngay</i>	躉 <i>điều</i>	臾 <i>lai</i>	覽 <i>hài</i>	詳 <i>tường</i>	根 <i>căn</i>
矜 <i>Nay</i>	主 <i>Chúa</i>	浪 <i>rỗng</i>	道 <i>đạo</i>	聖 <i>thánh</i>	拱 <i>cung</i>	由 <i>do</i>
	它 <i>tā</i>	細 <i>tái</i>	聃 <i>của</i>	穢 <i>rõng</i>	朱 <i>cho</i>	蹠 <i>theo</i>
	後 <i>Hậu</i>	官 <i>quan</i>	撕 <i>sua</i>	沒 <i>một</i>	靜 <i>tĩnh</i>	房 <i>phòng</i>
色 <i>Đã</i>	外 <i>ngoài</i>	塵 <i>trân</i>	跡 <i>tích</i>	臾 <i>lai</i>	中 <i>trong</i>	共 <i>cùng</i>
	糴 <i>Đài</i>	垓 <i>tām</i>	余 <i>máy</i>	爆 <i>nén</i>	心 <i>tâm</i>	聖 <i>thánh</i>
						堂 <i>dương</i>
						香 <i>luong</i>

f° 22^b. col. 9-8 f° 23^a. col. 1-4

講	勾	道	德	盤	塘	科	經
Giang	câu	đạo	đức	bản	tương	khoa	kinh.
608-	揔	辯	法	內	拱	精	
Prem	biàn	nǎm	pháp	nội	cung	tinh,	
	懸	主	買	特	呈	後	官
	lóng	chúa	mǎi	đặc	trình	hiệu - guan.	
	浪	碎	虎	分	紅	顏	
	Rǎng	tāi	hǔ	phân	hồng	nhan	
	懾	春	色	沫	鑽	添	鮮
	gió	xuān	lè	mà	vang	thêm	tươi.
612-	懃	春	烘	濃	余	回	
Ān	xuān	hōng	nóng	yuē	máy	hái,	
	婆	炉	別	燄	花	市	鵠
	sāu	lu	bié	niè	hái	nào	guên.
	堯	烘	市	旦	莢	邊	
	Sóng	hōng	nào	dàn	met	biên,	
	叶	婆	山	准	沒	周	
	Xin	sāu	shān	zhǔn	mít	chu	
	臤	堯	墨	顰	達	連	全
	người	ráo	ra	cù	trên	chu	toàn.
	後	後	官	飭	恩	咄	
	Hàu	hòu	guan	shí	ān	giày	
616-	主	𠙴	帝	恆	呐	𠙴	速
	Chúa	nay	đế	nghê	nói	giày	liễn,
			-				
			nữ		泣	𠙴	敬
					khép	miễn	kính.
							tôn.

f ^a 23. col 5-8	f ^b 23. col. 1-2					(1) abundant, fertile.
色	哪	沃	聖	真	言	
Dâ	vâng	phát	thanh	chân	ngôn	,
吏	惄	主	加	恩	余	吝
Lâi	nâô	chúa	ja	ân	mây	lân.
辟	條	護	國	庇	民	
Điê	diêu	hô	quốc	tý	dân	,
底	共	內	廟	春	數	魏
Đê	cung	nôi	miêu	xuân	lâu	giải.
謝	辭	主	蔚	哪	咷	
ta	tu	chúa	ngâm	vâng	nhài	,
辯	脣	仙	買	坭	崗	崇
Nhâ	dêm	tiên	mái	nai	núi	Sùng.
分	明	報	術	泣	中	
Phân	minh	báo	về	kháp	trong	,
臥	占	覓	應	童	上	蓮
Või	chiêm	ba	ing	dòng	thuâng	lên.
浪	些	仙	顯	童	遠	
Râng	ta	tiên	nghiai	đóng	tiên	,
色	哪	玉	旨	污	人	間
Dâ	vâng	ngoc	cli	mién	nhân	-gian.
悶	悶	人	審	物	康	
thuân	eho	nhân	suông	vật	khang	,

f^o23^b col. 2 - 9

628 -	准	沛	孕	庙	堂	如	初
	Chán	nài	phái	dựng	diょう	nhi	tsa.
	尼	朝	廷	奏	央	詞	
		Eriêu -	tinh	tâu	lai	tô	,
	後	官	因	役	賜	吸	朱
	Hậu	guan	nhân	niết	giả	gửi	cho.
	樓	輪	輪	朝	粉	蘇	
	Lầu	son	son	của	phán	tô	,
632 -	禡	鑽	公	主	勅	希	煥
	mǎ -	wang	công	chúa	sắc	hua	rāng.
	幽	明	明	隱	現	坤	量
	u	minh	minh	ən	hiện	khôn	liảng,
	威	神	神	女	南	方	埃
	Uy	thần	thần	nǚ	nam	phuong	ai
	靈	法	柴	貢	貢	買	奇
	linh	phép	thay	công	công	mái	ký,
	役	柴	柴	鉄	thiệt	錐	詰
	Viec	thay	thay	thiệt	thiệt	chuý	cát
636 -	崇	山	自	自	文	價	魁
	Sùng	-	sòn	tự	văn	giá	khái
	春	圍	圍	次	次	墨	,
	Xuân	uy	uy	thí	thí	mực	曾
	卷	試	台	次	次	bâi	tung
	Guyễn	thi	hai	thí	thí	bâi	,
							dâng.

f^b 23 - col. 8 f^a 24 - col. 1 - 5

(1) poster, suppones

固	欺	朝	直	天	宮	達	排
Cô	Khi	châu	chút	thiên	- cung	,	
事	情	法	牒	紅	奏	lên.	- 640
Sự	tinh	pháp	công	hồng	tâu		
頭	王	皇	保	於	達	triên,	
Đầu	Vua	- hoàng	bảo	với	dai		
龜	主	買	沒	邊	熾		
tuái	chúa	mua	một	bên	ngay		
柴	山	夾	麵	自	懸		
Sóng	sơn	giáp	mặt	tự	long		
愛	才	猩	初	吟	名		- 644
ai	tài	con	xua	nay	danh		
吏	狹	剗	道	威	難		
Lại	nho	vân	đạo	uy	nan		
逡	不	內	捲	情	夕		
Đuila	bất	nội	rát	tình	lâm		
勾	𠂇	雅	沛	麻	債		
câu	khẽ	nhã	phái	mà	trái		
壅	𠂇	蹠	咥	甘	𠂇		
Thẽ	khẽ	guài	theo	cam	nhài		
怒	竹	报	怨	啞	債		- 648
Đán	đáu	báo	oán	nhài	trái		
後	官	恥	𠂇	台	𠂇		
Hậu	quan	nghe	truyền	hai	ngài		

f_{24^a} col. 5-8 f_{24^b} col. 1-2

會	柴	法	貢	旦	坭	岷	唵
gai	thuỷ	pháp	cống	dawn	nai	rǎn	nhᾶi
塲	仙	景	色	色	細	未	,
Cái	tiên	cảnh	đá	đá	đại	xāi	,
652 - 浮	名	群	役	達	茂	爭	之
Phú	danh	cán	niết	trên	đại	tranh	cli.
英	雄	揭	鷄	女	女	兒	,
Anh	hung	sô	sánh	nǚ	nǚ	nli	,
醒	魄	法	貢	自	欺	忼	懸
Tinh	hồn	pháp	cống	tự	ichi	tanh	long
伶	伶	伶	仍	役	達	空	,
Banh	ranh	ranh	nhiêng	viết	trên	Không	,
三	官	寔	錄	於	中	劄	詳
Cam	guan	thuật	lục	võ	trong	hép	tương
主	自	飯	法	法	蘋	塘	,
Chúa	tự	guy	pháp	pháp	rồng	tiòng	,
賴	憲	夭	洛	得	常	丁	寧
Trieng	lòng	yêu	nô	ngay	thường	tonk	ninh
軍	軍	希	欺	操	占	城	,
Quân	qua	hua	khi	dep	Chiêm	-thanh	,
660 - 没	念	効	順	顯	靈	吏	強
ikt	niêm	hiệu	thuận	liễn	linh	lai	cang

f. 24^b - col. 3 - 8(1) 1662 - 1672. (3) 1805
(2) 1680 - 1705

勅	封	制	勝	堂	皇
Sắc	phong	chế	thắng	đường	hoàng,
夾	加	和	妙	大	王
Lai	gia	Hoa	diêu	tai	vương
瓦	玄	宗	景	治	裁
Roá	Huyền	Tôn	Cảnh	trị ⁽¹⁾	Lê,
祠	固	勅	諭	術	崇
Tú	có	sắc	dụ	vết	Sùng - sơn,
正	和	旦	号	熙	山
Chinh	luâ ⁽²⁾	dến	hiệu	hy	- 664
酒	夫	率	旨	頒	皇
Sai	phu	xuất	chỉ	lán	hoàng,
列	辯	疎	余	帝	圭
Liệt	triệu	trái	máy	đế	王
恩	封	上	等	常	主
Ôn	phong	thượng	dâng	thường	miwang,
朝	朝	些	南	清	靈
Triều	triều	ta	nam	thanh	- 668
神	明	鷗	勞	精	林h,
Thần	minh	giúp	thé	tinh	權
嘉	隆	隆	皮	妖	guyên,
Gia - long			uita	tiêu	操
				ti	年
				dến	niên ⁽³⁾ ,

f^a 24^b col. 8 f^a 25^a col. 1-5

672 -	仙	鄉	固	諭	樹	牘	主	茄
	Tiên - luồng	có	có	đề	đài	tèn	quê	nha
	堂	堂	列	廟	恩	恩	加	,
	Dâng	tiêng	liệt	miếu	ān	ān	gia	
	廊	雲	庸	葛	夾	畀	崇	山
	Làng	Vân	phô	Cát	lai	là	Sùng	- san .
	峡	包	西	北	滄	滄	桑	,
	Txá	bao	Tây	lác	thuống	thuống	Tang	
676 -	南	山	如	仙	塙	塙	如	初
	Nam - sán	sán	nhiều	Tiên	cù	dân	nhiều	xia .
	挨	撋	昧	俗	群	羣	步	,
	Xi	đem	mát	tuế	còn	còn	ngò	
	香	山	其	悲	賅	賅	羣	範
	Huống - sán	sán	kià	bãy	giò	giò	còn	ghia .
	沒	縫	躡	水	清	清	奇	,
	Một	xiung	đá	thuỷ	thanh	thanh	tíj	
680 -	中	豁	伏	沒	位	位	天	然
	Trong	hang	phát	một	sù	sù	thiên	nhiên .
	.	紅	衣	燭	臤	臤	仙	
	Hồng	đỏ	y	rô	vé	vé	Tiên	
	眞	經	躰	讀	跔	跔	猪	移
	Chân	kinh	đèng	đọc	gót	gót	clula	rót .

f^a 25 - col. 6-8 f^b 25 - col. 1-3

住 Chu	持 tri	皮 ua	細 tai	旦 den	坭 nai	宮 cung
浪 Raing	瓊 quinh	花 hoa	妬 do	眾 la	空 khong	684 空 khlong
想 Cuong	想 cuong	勾 cau	色 sac	色 sac	悲 bay	悲 bay
飯 Guy	依 y	念 niem	切 thiet	中 trang	眾 la	矜 nay
	吶 noi	未 xai	愈 gio	獻 quat	香 luong	
花 Haa	烟 dien	霏 long	燭 no	宮 cung	遠 may	術 ve
	胸 Chang	跔 ba	吟 nay	刎 van	狩 dit	
請 Chinh	經 kinh	念 niem	沃 phat	會 hoi	厨 chua	嵬 gai
	悲 Bay	賒 gio	厨 chua	於 o	坭 nai	
季 Giai	南 nam	固 co	沃 phat	像 tuong	固 co	邊 ben
	夬 Lai	旬 tuan	欹 ham	捲 tam	賴 thang	賴 rieng

f° 25^b. col. 3 - 8

上

Eluong - sui

師

Truong

鼎

ngay

會

hoi

中

trang

城

dien

固

cob

仙

tienc

696 -

意

Oy

異

la

法

Phap

左

Ga

邊

lien

大

Bei

慈

Tui

拱

Cung

明

minh

悲

Bay

懸

long

仙

Eien

鄉

luong

鼎

ngay

沒

mot

朵

doa

遠

may

顛

den

仙

tienc

信

tin

嘿

tham

柴

thay

初

qua

剝

rati

範

gli

尼

nay

底

de

欺

kli

沒

mot

師

sul

贈

tang

號

hiieu

外

ngoxic

儀

ngui

上

thuong

邊

lien

施

thi

錄

lue

埃

ai

權

guyen

監

dam

賛

rieng

瞇

manh

醉

suot

鼎

ngay

f26^a - col. 1-6

(1) count?

別	Biết	館	guán	達	dát	行	hang	排	bây	方	phuong
塘	Dâng	𠂇	tát ⁽¹⁾	貼	cúa	潛	dây	逝	miliac	又	-708
昂	ngang	𠂔	ngô	渙	huan	滇	tian	又	taan	千	ngan
謨	Mua	𠂔	mua	半	ban	又	ban	又	muon	萬	ngan
毅	Di	𠂔	di	夬	lai	又	lai	廊	lang	仙	tiên
帑	Elô	𠂔	elô	恆	quai	恆	ui	賴	riêng	主	quê
稅	Elue	空	khang	外	ngoai	額	ngaeli	曉	mâng	距	ba
		脢	thang	既	la	睇	ngay	累	la	駢	xe
仙	Tiên - huong	鄉	huong	會	hái	細	tai	睅	la	賜	ngay
樂	Nhac	藏	triong	鐘	chuông	彈	mo	眊	lai	賊	xa
		𠂔	giái	貯	gan	姪	do	笛	sao	賊	nhau
		余	nbay	廊	lang	搥	meo	睆	clue	僥	nhan

	f ^a 26 ^a - col. 6-8				f ^b 26 ^b - col. 1-3				(1) tone, coupe
716 -	色	呸	萬	歲	夬	勾	太	平	
	Dᾶ	nhâi	vạn	- tué	lai	câu	thái	- linh	.
	茂	黎	自	課	顯	顯	靈		
	Dᾶi	Lê	tự	thuỷ	hiển	hiển	linh		
	例	恒	狩	祕	晬	輕	罪	常	
	Lê	hâng	dâi	lây	chó	thinh	lâ	thường	.
	義	中	微	顯	埃	埃	詳		
	Sglia	trong	sui	hiển	ai	ai	tuong		
720 -	北	折	色	泣	每	廊	燒	香	
	Bâi	sy	dâ	khâp	mai	lang	thiáo	luòng	.
	順	京	欺	達	廊	甌	鑽		
	Chuân	- kinh	khi	dât	lang	au	vâng		
	南	中	意	夬	強	英	英	靈	
	Nam	trung	ây	lai	cang	anh	anh	linh	.
	峝	𡇠	玉	盜	天	成	成		
	Nili	Kia	ngoc	chan ⁽¹⁾	thien	thien	thanh		
724 -	固	庄	𡇢	天	庭	巒	巒	低	
	Cô	châng	râi	thuen	dinh	xuong	xuong	dây	.
	迷	逃	香	水	洛	浩	浩		
	Quanh	quanh	huâng	thuy	nioe	dây	dây		
	賒	又	灵	厨	跔	餽	餽	搬	
	Xa	xa	linh	chuâ	ngay	truc	truc	denn	.

f^o 26^b. col. 4-8 f^o 27^a- col. 1

辭	頭	同	慶	撕	漆	誠
Pán	Láu	Dōng - khánh		sǐa	thêm	
恆	報	德	希	連	憑	清
shéng	lào	dé	xi	tiān	phêng	thanh
產	坭	山	水	高	沒	時
산	nái	shān	shuǐ	gāo	mò	shí
台	層	閣	嶺	疊	儀	
Hái	túng	gé	lǐng	dié	nǐ	
堆	層	聖	母	容	仙	宮
Dài	túng	shèng	mǔ	dung	tiān	cung
堆	邊	左	台	位	同	
Dài	bìan	zuo	ái	wèi	dōng	
界	時	香	案	公	嚴	莊
Diái	shí	xiāng	àn	cōng	ngiêm	trang
堆	邊	伐	余	重	官	
Dài	bìan	fá	mǎi	zhòng	guān	
中	時	射	院	幕	沒	懸
Trong	shí	shè	yuàn	muà	mò	long
外	時	民	署	方	扒	
Ngäu	shí	mǐn	shǔ	fang	bā	
固	固	欺	視	青	童	
Cô	guì	qī	shì	qīng	tóng	

f27^a - col. 1-6道
*Đạo*外
*ngoài*固
*cố*恪
khác,
欺
*khui*臥
*nguồi*中
*trong*空
*không*泥
*mẽ*740 - 浪
*Rồng*些
*ta*香
*Hương*飯
*guy*上
*thường*兮
*hi*殺
*sát*生
*sinh*嘲
*chóu*文
*văn*文
*châm*吏
*lai*誦
*tung*經
*kinh*意
*ý*例
*lè*744 - 香
*Hương - giang*江
*jiang*余
*mây*我
*ngâ*蹠
*theo*術
*vé*踴
*treo*蓬
*lên*燒
*khói*兩
*lêng*坼
*ký*南
*nam*北
*lá*嚙
*tiêng*傳
*truyền*委
*giải*748 - 犀
*khói*速
*mây*能
*hay*仙
*tiên*拱
*cung*達
*lai*臘
*lai*之
chi

f^a 29^a col. 9 - 8 f^b 29^b col. 1 - 4

計	徐	上	界	謫	後	猶
Ké	Tú	thường	- giái	trích	sâj	tay.
迎	蹕	嚮	仍	爲	時	
Schiêng	clân	luâc	nhiêng	ui	ngày,	
恩	𠵼	辯	閑	饒	孝	情
ân	Hai	mildc	bây	nhiêu	hiếu	tinh.
色	色	愛	碾	台	庭	752
Đà	Đà	ái	nặng	thay		
渡	迷	欺	命	天	天	
Bến	mē	khi	mạnh	thiên	- tinh	
拱	余	傷	幽	冥	空	
Cung	lôay	thuong	u	minh	Không	
沃	穠	欺	示	威	靈	
Phát	Rông	khi	thi	uy	linh	
	箕	濟	眾	生	戾	756
	Xia	tê	trung	sinh	lệ	
	兜	塘	別	修	持	
	Dâu	tương	litt	tu	tri	
		法	飯	依	調	
		pháp	guy	y	diêu	
		兜	gung	懸	些	
		dâu		long	ta,	

f^o 29^b - col. 4 - 8 f^o 28^a - col. 1

760 -	挨	攏	神	教	越	茄	諾	箕
	ái	lēm	thần	giáo	giáy	nà	nó	kia
	翹	文	明	舉	波	調	恥	達
	168	vân	minh	lèn	bé	diêu	nghe	tiễn
764 -	尼	懸	夭	浩	黜	術	神	疑惑
	nay	làng	yêu	ná	bài	vẽ	thần	thuêng
	尼	李	茄	署	保	空	波	南
	nay	lì	nhà	chí	lão	không	bé	nam
	群	神	母	於	浩	汚	嫩	仙
	còn	thần	mẫu	v	ná	muê	non	tiên
	群	羣	群	浩	唉	群	廊	詳
	còn	còn	còn	ná	hai	còn	lang	tuong
768 -	傳	羣	羣	廟	典	群	紓	印
	Truyền	còn	còn	miếu	diển	còn	bén	in
	傳	奇	秋	國	譜	編	內	塘
	Truyền	qí	thu	quốc	phả	biên	nai	tuong
	堆	吏	群	錄	冊	場	如	詳
	Đôi	lái	còn	lục	sách	trường	nhiel	tuong
	堆	邊	西	恪	沒	塘	如	印
	Đôi	bên	dâu	khác	mặt	tường	nhiel	in

f28^a-col.2-H

(1) monowar. monter.

	道	仙	道	本	道	玄
	Đạo	Siêu	đạo	vốn	đạo	huyền
772-	麻	中	盛	德	信	鬼
	Ma	trong	thịnh	đức	tín	quỷ
	貉	鴻	鴻	沒	海	瀨
	Lạc	hồng	-	mất	hai	tān
	中	外	別	法	斯	燦
	trong	ngoài	biệt	phép	gân	khết
	蒙	牢	牢	陟	於	連
	mong	sao	sao	trắc ⁽¹⁾	giáng	tiến
776-	庇	民	護	國	慧	範
	tí	dân	hộ	quốc	long	tēn
					叶	範
					xin	long

共	四	百	十	三	句
Cõng	tứ	bách	thập	tam	cù